

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-02-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mai Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hồng Đào.

2. Bà Bùi Thị Hải Đường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lâm Phương Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 458/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Huyền D, sinh năm 1985, địa chỉ: Số F, Tổ A, khu phố D, Thị trấn D, huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Trương Văn B, sinh năm 1987, địa chỉ: Số F, Tổ A, khu phố D, Thị trấn D, huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 11-10-2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Trương Văn B tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 29/12/2007 tại UBND Thị trấn D, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hôn nhân không hoà hợp đến tháng 4/2023 do mâu thuẫn trầm trọng chị bỏ về nhà mẹ ruột tại thị xã H sinh sống. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là Trương Thị Mỹ T, sinh ngày 10/10/2004; Trương Nhật Q, sinh ngày 04/05/2006; cháu T đã đủ tuổi trưởng thành tự lao động sinh sống được không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Q giao cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trương Văn B vắng mặt không có lời trình bày.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu.*

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Huyền D

- Về con chung: Có 02 người con chung Trương Thị Mỹ T, sinh ngày 10/10/2004 đã trưởng thành tự lao động sinh sống được Tòa không giải quyết; cháu Trương Nhật Q, sinh ngày 04/05/2006 giao cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Lê Thị Huyền D yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Trương Văn B, anh B có nơi cư trú tại số F, Tổ A, khu phố D, Thị trấn D, huyện D, tỉnh Tây Ninh, căn cứ quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu.

[1.2] Anh Trương Văn B vắng mặt không lý do; chị D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh B và chị D.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Huyền D và anh Trương Văn B chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn UBND Thị trấn D nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Chị D và anh B phát sinh mâu thuẫn nguyên do bất đồng quan điểm sống, chị D về mẹ ruột tại thị xã H, tỉnh Tây Ninh từ tháng 3/2023, tuy nhiên anh B không có ý định hàn gắn. Nay chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh B.

Thấy rằng mâu thuẫn gia đình giữa chị D và anh B trầm trọng, Tòa đã nhiều mời anh B để hòa giải nhưng anh B không có thiện chí, thấy rằng anh B không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, do đó mục đích hôn nhân của chị D và anh B không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị D, anh B có 02 người con chung: Trương Thị Mỹ T, sinh ngày 10/10/2004, cháu Trương Nhật Q, sinh ngày 04/05/2006. Cháu T đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, chị D không yêu cầu Tòa án nên không đặt ra giải quyết. Cháu Q có nguyện vọng sống cùng cha, Tòa án đã thông báo cho anh B nguyện vọng cháu Q muốn sống với anh B, chị D đồng ý giao cháu Q cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nhưng anh B không có ý kiến, do đó có căn cứ giao cháu Q cho anh B là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Q là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì chị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Huyền D đối với anh Trương Văn B về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Huyền D được ly hôn với anh Trương Văn B

Về con chung: Giao cháu Trương Nhật Q, sinh ngày 04/05/2006 cho anh Trương Văn trực t trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Q, chị D

không cấp dưỡng. Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Huyền D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, án phí dân sự sơ thẩm, nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị D đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0014021, ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị D đã nộp xong.

4. Các đương sự không có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Dương Minh Châu;
- Chi cục THADS H. Dương Minh Châu;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- UBND Thị trấn DMC;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phan Thị Mai Dung